



Mã số/ Ref. No: 08562/2025/PKQ (25.7872)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CHI NHÁNH LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI TP. HỒ CHÍ MINH - CO.OPMART GÒ DẦU
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CHI NHÁNH LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI TP. HỒ CHÍ MINH - CO.OPMART GÒ DẦU - Quốc lộ 22B, khu phố Rạch Sơn, phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
3. Loại mẫu/ Type of sample: Nước thải
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
25.7872.NT.03	Nước thải tại đầu ra HTXLNT	X=1226426, Y=583351

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 30/10/2025

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 06/11/2025

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCEN ĐẠI P 14:2008/BPMNT Cột A ^(a)
				25.7872.NT.03	
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,17	5 ÷ 9
2	TDS ^(a)	mg/L	HDCV/ĐN-H19	137	500
3	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	KPH (MDL=3)	50
4	BOD ₅ ^(a)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	23,5	30
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2023	KPH (MDL=1)	5
6	S ²⁻ (a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL=0,03)	1
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E: 2023	5,31	30
8	Phosphate (PO ₄ ³⁻ tính theo P) ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,92	6
9	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2023	KPH (MDL=0,01)	5
10	Dầu mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL=1)	10
11	Coliform ^(a)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	KPH (MDL=1,8)	3.000

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

Mã số: TTCL-11/BM08

Lần ban hành: 01

Ngày ban hành: 02/07/2021

Trang/ Page No: 1/2



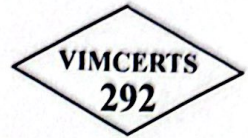
CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn



Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.

2. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected

3. (1): Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột A1 và A2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY



1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

Mã số: TTCL-11/BM08

Lần ban hành: 01

Ngày ban hành: 02/07/2021

Trang/ Page No: 2/2



Mã số/ Ref. No: 08561/2025/PKQ (25.7872)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CHI NHÁNH LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI TP. HỒ CHÍ MINH - CO.OPMART GÒ DẦU
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CHI NHÁNH LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI TP. HỒ CHÍ MINH - CO.OPMART GÒ DẦU - Quốc lộ 22B, khu phố Rạch Sơn, phường Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
3. Loại mẫu/ Type of sample: Không khí xung quanh

4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
25.7872.K.01	Không khí tại máy phát điện dự phòng	X=1226468, Y=583380

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 30/10/2025

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 06/11/2025

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN không khí xung quanh
				25.7872.K.01	Trung bình 1 giờ ⁽¹⁾
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2018	71,9	70 ⁽²⁾

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (1): Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ.
3. (2): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường (từ 6 giờ - 21 giờ).

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

Mã số: TTCL-11/BM08

Lần ban hành: 01

Ngày ban hành: 02/07/2021

Trang/ Page No: 1/1